

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

E-ĐKC 1.1	Chủ đầu tư: Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia (EVNNPT) Đại diện chủ đầu tư: Ban QLDA các công trình điện miền Nam – Chi nhánh Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia, Địa chỉ: 610 Võ Văn Kiệt - Phường Cầu Ông Lãnh - TP. Hồ Chí Minh, ĐT: (84-028) 2210 0719; Fax: (84-028) 3836 1096
E-ĐKC 1.3	Nhà thầu: _____ <i>[ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu]</i>
E-ĐKC 1.10	Địa điểm dự án: Xã Phú Riềng, tỉnh Đồng Nai (trước ngày 01/7/2025 là xã Bù Nho, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước).
E-ĐKC 1.11	Ngày hợp đồng có hiệu lực: _____ <i>[Tuỳ theo tính chất của gói thầu mà quy định cụ thể, ví dụ: Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hai bên ký hợp đồng...]</i>
E-ĐKC 2.2 (i)	Các tài liệu khác: _____ <i>[Ghi các tài liệu khác, nếu có]</i>
E-ĐKC 4.1	Việc sử dụng tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng: _____ <i>[Ghi các quy định khác (nếu có)]</i>
E-ĐKC 5.1	Các trường hợp khác: _____ <i>[ghi các trường hợp khác (nếu có). Trường hợp không áp dụng thì ghi “không áp dụng”]</i>
E-ĐKC 7	Loại hợp đồng: Trọn gói <i>[Ghi loại hợp đồng theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt. Trường hợp áp dụng loại hợp đồng hỗn hợp thì nêu rõ phần công việc nào áp dụng hợp đồng trọn gói, hợp đồng theo thời gian, hợp đồng theo đơn giá].</i>

<p>E-ĐKC 8</p>	<p>Giá hợp đồng bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào mà nhà thầu phải nộp.</p> <p>(1) Đối với loại hợp đồng trọn gói: giá hợp đồng là cố định đối với phạm vi công việc nêu trong hợp đồng và điều khoản tham chiếu.</p>
<p>E-ĐKC 10</p>	<p>10.1. Tạm ứng</p> <p>Bên A sẽ tạm ứng cho bên B số tiền tương ứng 20% giá trị hợp đồng trong vòng 14 ngày kể từ khi nhận đủ các tài liệu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bảo lãnh tạm ứng với số tiền tương đương với giá trị tạm ứng do Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành với thời hạn hiệu lực tương ứng thời gian thực hiện hợp đồng. - Thông báo kết quả tiếp nhận tài liệu lần thứ nhất cho bên A trong đó nêu rõ ngày tiếp nhận, các tài liệu đã tiếp nhận và các yêu cầu bổ sung. - Kế hoạch kiểm toán theo Điều 5 của Hợp đồng. - Văn bản của nhà thầu đề nghị tạm ứng. <p>Bảo lãnh tạm ứng phải là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành với số tiền tương đương số tiền tạm ứng.</p> <p>Gia hạn bảo lãnh tạm ứng: Nếu Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng tại thời điểm 30 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực, Bên B phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh tạm ứng và nộp cho Bên A tối thiểu 23 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực. Nếu Bên B không giao nộp đúng hạn, Bên A có quyền tịch thu toàn bộ giá trị Bảo lãnh tạm ứng. Mọi chi phí liên quan đến gia hạn, bổ sung giá trị, hiệu chỉnh Bảo lãnh tạm ứng do Bên B chi trả.</p> <p>Tịch thu bảo lãnh tạm ứng: Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong các trường hợp sau: (1) Bên A có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền tạm ứng sai mục đích; (2) Bên B không gia hạn Bảo lãnh tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực mà Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng; (3)</p>

Bên B không bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng theo quy định.

Bên A có quyền khấu trừ hoặc tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong trường hợp Bên B vi phạm các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc từ chối gia hạn bảo lãnh theo quy định.

Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu Bên A lựa chọn khấu trừ bất kỳ khoản tiền nào mà Bên B có nghĩa vụ chi trả theo hợp đồng thì sau đó Bên B có trách nhiệm phải bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng như quy định nếu không Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng.

Hoàn trả tiền tạm ứng: Tiền tạm ứng được thu hồi qua các lần thanh toán khối lượng hoàn thành của hợp đồng với tỷ lệ tạm ứng trên nguyên tắc Chủ đầu tư bắt đầu thu hồi từ lần thanh toán đầu tiên và thu hồi hết khi giá trị thanh toán khối lượng hoàn thành đạt 80% giá trị hợp đồng.

10.2. Thanh toán

Phương thức thanh toán: Chuyển khoản, Bên B chịu phí chuyển tiền

Giá trị thanh toán của hợp đồng căn cứ trên khối lượng công việc nghiệm thu và được chia làm các đợt như sau:

- Đồng tiền thanh toán: VND.
- Số lần thanh toán: 02 [*Ghi cụ thể số lần thanh toán*].
- Thời hạn thanh toán:
 - Đợt 1: Thanh toán 75% giá trị hợp đồng, trong vòng 30 ngày kể từ ngày bên A nhận được các tài liệu sau đây:
 - Biên bản bàn giao báo cáo kiểm toán bên A ký nhận.
 - Báo cáo kết quả thực hiện kiểm toán đã hoàn thành có đầy đủ các trường nhóm/bộ phận và giám đốc/phó giám đốc bên B ký kèm theo báo cáo kiểm toán.

	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kiểm toán: 05 bộ. - Hóa đơn GTGT tương ứng giá trị khối lượng hoàn thành theo quy định của Bộ Tài Chính. - Nhật ký kiểm toán - Biên bản nghiệm thu - Bảng thanh toán đợt... (mẫu qui định tại Quy định 1097) - Văn bản đề nghị thanh toán. <ul style="list-style-type: none"> ▪ Đợt 2: Thanh toán 5% giá trị còn lại của hợp đồng sau khi giảm trừ các khoản như giá trị theo khối lượng kiểm toán ngoại trừ không thực hiện, các khoản bồi thường thiệt hại, phạt hợp đồng,...(nếu có) Bên A thanh toán cho bên B trong vòng 30 ngày khi có các tài liệu sau đây: <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định phê duyệt quyết toán. - Bảng thống kê các nội dung kiểm toán thống nhất sửa đổi hoặc bổ sung so với Báo cáo kiểm toán phát hành lần 1 có hai bên A-B ký xác nhận. - Bảng quyết toán - Thanh lý hợp đồng. - Văn bản đề nghị thanh toán. <p><i>(nội dung chi tiết sẽ được hai bên thống nhất trong quá trình thương thảo hợp đồng)</i></p>
E-ĐKC 11	Bảo hành sản phẩm của dịch vụ: Không áp dụng
E-ĐKC 12	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian thực hiện hợp đồng: tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi các bên đã hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký <p><i>[Ghi thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với E-HSMT, E-HSDT và kết quả hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên]</i></p>
E-ĐKC 13.1	<p>Thời gian bên nhận yêu cầu trả lời yêu cầu sửa đổi hợp đồng của chủ đầu tư hoặc nhà thầu: 7 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu điều chỉnh hợp đồng</p> <p><i>[Ghi cụ thể thời gian là bao nhiêu ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu sửa đổi hợp đồng căn cứ yêu cầu cụ thể của nội dung điều chỉnh].</i></p>

E-ĐKC 13.2 (e)	Các trường hợp khác: _____ [ghi các trường hợp khác (nếu có) phù hợp với quy định của pháp luật].
E-ĐKC 14.2	Thời gian nhà thầu thực hiện việc thay thế nhân sự: _____ [Ghi cụ thể thời gian là bao nhiêu ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu thay thế nhân sự của chủ đầu tư].
E-ĐKC 16.1	Danh sách nhà thầu phụ: _____ [Ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong E-HSĐT].
E-ĐKC 16.2	Tổng giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 10% giá hợp đồng [Hệ thống trích xuất theo Mục 26.3 E-CDNT].
E-ĐKC 16.4	Yêu cầu khác về nhà thầu phụ : _____ [Ghi yêu cầu khác về nhà thầu phụ (nếu có)].
E-ĐKC 17	<p>1. Phạt vi phạm hợp đồng: Áp dụng</p> <p>a) Nhà thầu bị phạt theo mức: 0,1% giá trị hợp đồng bị vi phạm cho mỗi ngày chậm hoàn thành công việc theo hợp đồng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - 1% đến 5% giá trị hợp đồng bị vi phạm do không đảm bảo khối lượng công việc: Trường hợp Báo cáo kiểm toán không thực hiện đầy đủ các nội dung phải kiểm toán hoặc áp dụng không đúng một số văn bản làm căn cứ kiểm toán nhưng chưa đến mức cơ quan thẩm tra phải yêu cầu kiểm toán bổ sung hoặc phải phát hành lại báo cáo kiểm toán. Mốc phạt cụ thể do chủ đầu tư quyết định dựa vào mức độ sai sót của bên nhà thầu. - 5% đến 10% giá trị hợp đồng bị vi phạm do không đảm bảo chất lượng công việc: Báo cáo kiểm toán có xảy ra sai sót do kiểm toán tính toán không chính xác, cơ quan thẩm tra phê duyệt quyết toán phát hiện và thay đổi kết quả phê duyệt quyết toán so với kết quả kiểm toán. Mốc phạt cụ thể do chủ đầu tư quyết định dựa vào mức độ sai sót của bên nhà thầu. - Mức khấu trừ tối đa: 12% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm. - Ngoài mức phạt theo thỏa thuận nêu trên, nhà thầu

	<p>có trách nhiệm bồi thường cho chủ đầu tư toàn bộ các thiệt hại thực tế và gián tiếp phát sinh do lỗi, vi phạm của nhà thầu trong quá trình thực hiện hợp đồng.</p> <p>Tổng số tiền phạt không vượt quá: đồng [<i>Ghi cụ thể số tiền tối đa</i>]. Chủ đầu tư có thể khấu trừ khoản tiền phạt từ các khoản thanh toán đến hạn của Nhà thầu.</p> <p>b) Trường hợp Chủ đầu tư chậm thanh toán cho nhà thầu theo quy định tại Mục 10 E-ĐKC thì phải trả lãi cho nhà thầu theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định. Thời gian được tính kể từ ngày đầu tiên chậm thanh toán cho đến ngày Chủ đầu tư thanh toán đầy đủ cho nhà thầu.</p> <p>2. Bồi thường thiệt hại: Áp dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế; - Bồi thường thiệt hại theo khoản 1 điều 10 Hợp đồng mẫu ban hành theo Quyết định 727 ngày 9/5/2018. - Bên B không phát hiện các sai sót (thuộc trách nhiệm của kiểm toán độc lập) trong hồ sơ quyết toán của Bên A cung cấp mà sau này các cơ quan thanh tra, kiểm toán Nhà nước, cơ quan pháp luật điều tra ... phát hiện dẫn đến truy thu, phạt Bên A gây thiệt hại cho Bên A thì Bên B phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật về bồi thường thiệt hại. - Bên B phải bồi thường thiệt hại cho Bên A những thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba về việc vi phạm quyền sở hữu trí tuệ liên quan tới dịch vụ mà Bên B cung cấp cho Bên A, phát sinh do sản phẩm dịch vụ không đảm bảo yêu cầu như đã cam kết; bồi thường những hư hỏng mất mát với các thiết bị do Bên A cung cấp trong quá trình thực hiện hợp đồng (nếu có). - Tổng giá trị bồi thường thiệt hại tối đa: Nhà thầu phải bồi thường cho Chủ đầu tư và bên thứ 3 (nếu có) toàn bộ (100%) giá trị thiệt hại thực tế.
E-ĐKC 19.1	<p>Chấm dứt hợp đồng do sai phạm của nhà thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu không bố trí được nhân sự chủ chốt như

	<p>nêu trong HSDT hoặc nhân sự thay thế không có trình độ kinh nghiệm và năng lực tương đương;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nếu trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Chủ đầu tư về sai sót hoặc chậm trễ của Bên B khi thực hiện các nghĩa vụ theo Hợp đồng này, Bên B vẫn không có biện pháp sửa chữa các sai sót đó; - Nếu Bên B rơi vào tình trạng giải thể; - Nếu sự kiện bất khả kháng, sau 30 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện này mà Bên B không thể thực hiện được dịch vụ; - Trong trường hợp Chủ đầu tư có bằng chứng về bán thầu, thì hợp đồng sẽ được chấm dứt và mọi hậu quả do việc bán thầu gây nên, nhà thầu Bên B phải chịu hoàn toàn trách nhiệm. - Nếu Bên B tự ý đơn phương chấm dứt Hợp đồng trái luật thì phải chịu phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại theo quy định
E-ĐKC 20	<p>Chấm dứt hợp đồng do lỗi của chủ đầu tư:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quá 56 ngày kể từ ngày Nhà thầu đệ trình đầy đủ hồ sơ đề nghị thanh toán hợp lệ theo quy định của hợp đồng và Nhà thầu đã có văn bản nhắc đề nghị thanh toán, nhưng Chủ đầu tư chưa thanh toán. - Nếu Chủ đầu tư đơn phương chấm dứt Hợp đồng trái luật thì phải chịu phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại theo quy định.
E-ĐKC 22.2	<p>Giải quyết tranh chấp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong quá trình thực hiện nếu có sự bổ sung thay đổi nhiệm vụ, các bên cùng bàn bạc giải quyết và phải được lập thành văn bản, phụ lục hợp đồng. Các văn bản, phụ lục kèm theo là một phần không thể tách rời hợp đồng này; - Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc gì cần giải quyết thì hai bên phải thông báo cho nhau bằng văn bản và chủ động hợp tác giải quyết; - Trường hợp phát sinh tranh chấp các bên có thể giải quyết thông qua việc thương lượng trực tiếp với nhau; - Nếu sau 30 ngày kể từ khi bắt đầu thương lượng mà các bên không đạt được thỏa thuận về giải quyết tranh

	<p>chấp theo hợp đồng hoặc một bên đã đề nghị thương lượng nhưng bên còn lại không phản hồi thì một trong hai bên có thể yêu cầu giải quyết tranh chấp đó qua tòa án của cấp có thẩm quyền. Ngôn ngữ được sử dụng trong tố tụng trọng tài là tiếng Việt;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định của tòa án được coi là phán quyết cuối cùng và có hiệu lực bắt buộc thi hành với cả hai bên. Bên thua kiện sẽ phải chịu chi phí tòa án.
<p>E-ĐKC 23.1</p>	<p>Địa chỉ để hai bên thông báo cho nhau những thông tin theo quy định:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ liên lạc của Chủ đầu tư: Tổng công ty Truyền tải điện quốc gia; Số 18 Trần Nguyễn Hãn, Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội. Điện thoại: (024) 222.04.444; Fax: (024) 222.04.455; - Địa chỉ liên lạc của đại diện Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án các công trình điện miền Nam – chi nhánh Tổng công ty Truyền tải Điện Quốc gia. Địa chỉ: Số 610 Võ Văn Kiệt, Phường Cầu Ông Lãnh, Tp. Hồ Chí Minh. Điện thoại: 028.2210 0715 Fax : 08.3836 1096. - Địa chỉ liên lạc của nhà thầu: _____ Điện thoại: _____ Fax: _____ E-mail: _____

